

chính địa-phương đó lãnh đạo toàn diện về phương diện chính trị, tổ chức và thực hiện kế hoạch thí nghiệm. Tùy nhu cầu từng nơi, nếu cấp ủy Đảng và Ủy ban Hành chính địa phương xét thấy cần, có thể tăng cường cán bộ cho các Trạm thí nghiệm để công tác được bảo đảm tiến hành tốt.

2. Về kết hợp công tác giữa hai ngành Nông nghiệp và Thủy lợi:

a) Ở Trung ương: Vụ trồng trọt thuộc Bộ Nông lâm và Cục Thủy nông thuộc Bộ Thủy lợi sẽ phối hợp chặt chẽ để có những chỉ thị hướng dẫn và biện pháp cụ thể về kỹ thuật tưới nước cũng như kỹ thuật canh tác mới cho các Ty Nông nghiệp và Ty Thủy lợi để thi hành Thông tư Liên bộ này bắt đầu ngay từ vụ Đông Xuân 1959—1960 này trở đi.

b) Ở các tỉnh: Dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy Đảng và Ủy ban Hành chính Tỉnh, các Ty Nông nghiệp và Ty Thủy lợi sẽ kết hợp chặt chẽ công tác với nhau để thi hành theo tinh thần thông tư Liên Bộ.

— Đối với các tỉnh Bắc giang, Vĩnh phúc, Sơn tây, Hưng yên, Hải dương, Thanh hóa, Nghệ an và Hà tĩnh, hiện có cả trạm thí nghiệm tưới lúa thuộc ngành Thủy lợi và các Trạm, các trại thí nghiệm thuộc ngành Nông lâm, thì các Ty Thủy lợi và Ty Nông nghiệp sẽ bàn bạc với nhau để có kế hoạch cụ thể tiến hành cả hai công tác thí nghiệm tưới nước và thí nghiệm cải tiến kỹ thuật canh tác liên hoàn về lúa và về các cây hoa màu và cây công nghệ chính trên các trạm, các trại thí nghiệm của Chính phủ và các ruộng thí nghiệm của các Hợp tác xã, các nông trường (của cả hai ngành).

Trên cơ sở thống nhất với nhau về các công thức thí nghiệm và về các kế hoạch tiến hành, mỗi Ty sẽ trực tiếp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi các trạm, các trại, các thửa ruộng thuộc ngành mình phụ trách.

— Trong khi tiến hành công tác, hai Ty sẽ luôn luôn trao đổi kinh nghiệm với nhau và cuối vụ sẽ cùng tổng kết công tác thí nghiệm dưới sự lãnh đạo của Tỉnh.

— Đối với các Khu và các Tỉnh khác hiện nay chưa có các trạm thí nghiệm tưới nước thuộc ngành Thủy lợi, các Ty Nông nghiệp, nếu xét thấy cần thiết và có đủ điều kiện, sẽ tiến hành công tác thí nghiệm tưới nước song song với công tác thí nghiệm cải tiến kỹ thuật canh tác liên hoàn. Việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, theo dõi các trạm, các trại này sẽ do Ty Nông nghiệp phụ trách với sự tham gia ý kiến của Ty Thủy lợi. Về phần mình, Ty Thủy lợi cũng cần liên lạc thường xuyên với Ty Nông nghiệp để nắm vững được tình hình tiến hành công tác thí nghiệm và cuối mỗi vụ cùng với Ty Nông nghiệp tổng kết công tác dưới sự lãnh đạo của Tỉnh.

Tóm lại, công tác thí nghiệm tưới nước và thí nghiệm cải tiến kỹ thuật canh tác liên hoàn có một tầm quan trọng rất lớn trong việc phát triển sản xuất nông nghiệp nước nhà. Vì vậy Liên Bộ Nông lâm và Thủy lợi yêu cầu các Ủy ban Hành chính Khu, Tỉnh, các Ty Nông nghiệp, Ty Thủy lợi nghiên cứu kỹ thông tư này để công tác thí nghiệm vụ đông xuân 1959—1960 này trở đi tiến hành được tốt và kịp thời.

Hà nội, ngày 16 tháng 10 năm 1959

Bộ trưởng Bộ Thủy lợi

Bộ trưởng Bộ Nông lâm

TRẦN ĐĂNG KHOA

NGHIÊM XUÂN YÊM

CÁC BỘ

BỘ CÔNG AN

THÔNG TƯ số 680-TT/VI/2 ngày 30-7-1959 quy định chế độ lương, phụ cấp và trang phục cho công nhân lái máy ca-nô và cảnh sát tuần tra kiểm soát trên sông, cảng.

Hiện nay các đội tuần tra kiểm soát bằng ca-nô đã được xây dựng để làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự trị an ở sông, cảng.

Do tính chất và điều kiện công tác ở sông, cảng có khác với trên bộ, nên cần quy định việc xếp lương, chế độ phụ cấp và trang bị cho phù hợp để bảo đảm được nhiệm vụ công tác. Vì vậy, sau khi nghiên cứu và được sự thỏa thuận của các Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính, Bộ ra thông tư quy định cụ thể các chế độ như sau:

I. VỀ VIỆC XẾP LƯƠNG CHO CÔNG NHÂN LÁI MÁY CA-NÔ.

Năm 1958, khi thi hành chính sách lương mới, vì các đội tuần tra kiểm soát bằng ca-nô chưa thành lập, nên Bộ tạm quy định việc xếp lương cho công nhân lái máy ca-nô vào thang lương công nhân cơ khí 8 bậc. Nhưng từ khi các đội tuần tra ở sông, cảng được xây dựng, anh em đã chính thức làm nhiệm vụ lái máy ca-nô trên sông, cảng, nên việc xếp theo thang lương công nhân cơ khí không thích hợp nữa. Nay Bộ quyết định:

1. Sắp xếp lại lương cho công nhân lái máy ca-nô theo tiêu chuẩn bậc lương loại IV cấp 3 là thang lương áp dụng cho các công nhân công tác trên ca-nô của Bộ Giao thông và Bưu điện xây dựng.

2. Về nguyên tắc xếp lương: căn cứ vào tính chất, nhiệm vụ và khả năng hiện tại của anh em và sau khi tham khảo ý kiến của Bộ Giao thông và Bưu điện, Bộ quy định khung bậc sắp xếp cho

công nhân lái máy ca-nô từ bậc 3 đến bậc 2 của chức danh 1 và 2 trong bản tiêu chuẩn bậc lương loại IV cấp 3 (có bản tiêu chuẩn bậc lương kèm theo).

Do yêu cầu về chuyên môn và trách nhiệm của mỗi chức danh có khác nhau, nên mức tiền mỗi bậc của công nhân lái đều cao hơn công nhân máy, cho nên trong khi sắp xếp phải chú ý bảo đảm tương quan đó.

Khung bậc và tương quan tuy quy định như trên, nhưng khi tiến hành sắp xếp cần phải nghiên cứu kỹ về tiêu chuẩn bậc lương và tiêu chuẩn đức, tài của từng người để sắp xếp cho thích hợp.

3. Về phụ cấp khu vực: sau khi sắp xếp theo thang lương loại IV cấp 3, nếu anh em nào công tác ở địa phương có phụ cấp khu vực thì cũng được hưởng phụ cấp khu vực nơi đó từ ngày 1-1-1959.

Ví dụ: một công nhân lái ca-nô ở Hải-phòng được xếp bậc 2 là 59đ, cộng với 10% phụ cấp khu vực ở Hải phòng thì mỗi tháng sẽ được lĩnh:

$$\frac{(59đ \times 10)}{100} + 59đ = 64 \text{ đồng } 90$$

4. Ngoài ra tại Sở Công an Hải phòng có một số công nhân lái máy ca-nô, trước đây địa phương xếp vào thang lương công nhân cơ quan 8 bậc, nay Bộ quyết định cũng xếp theo tiêu chuẩn bậc lương loại IV cấp 3 nói trên kể từ ngày 1-1-1959.

II. CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP BỒI DƯỠNG KHI ĐI CÔNG TÁC Ở SÔNG, CẢNG VÀ NGOÀI BÈ

Các anh em cảnh sát và công nhân lái máy ca-nô trong khi công tác trên sông, cảng và ngoài bè vì điều kiện thiên nhiên như sóng gió, nóng, lạnh khác trên bộ, có ảnh hưởng đến sức khỏe, nay Bộ quy định chế độ phụ cấp bồi dưỡng sức khỏe như sau:

1. Nói chung công nhân lái máy và cảnh sát khi đi công tác trên sông, cảng và ngoài bè đều được phụ cấp bồi dưỡng sức khỏe.

2. Cách tính cụ thể như sau:

a) Chỉ phụ cấp cho những ngày ca-nô thực sự chạy ở sông, cảng và ngoài bè để làm nhiệm vụ.

b) Thời gian và mức tiền phụ cấp tính như sau:

— Từ 4 giờ trở lên tính là một ngày, và nếu đi công tác ở sông, cảng một ngày được phụ cấp 3 hào; nếu đi công tác ở ngoài bè một ngày được phụ cấp 6 hào.

— Từ 2 đến 4 giờ tính là nửa ngày, nếu đi công tác ở sông, cảng được phụ cấp 1 hào rưỡi; nếu đi công tác ở bè được phụ cấp 3 hào.

Thời gian tính từ khi ca-nô nổ máy chạy, cho đến khi về đồn, bến hay đậu lại một chỗ nào phải liên tục từ 2 giờ trở lên mới được phụ cấp; trường

hợp sáng đi một giờ rưỡi, chiều đi 1 giờ rưỡi thì những giờ đó không được cộng lại để tính phụ cấp.

c) Trường hợp đi công tác ban đêm thì tính như sau:

Nếu ban ngày không đi tuần tra hay có đi nhưng số giờ chưa đủ mức phụ cấp thì khi đi công tác ban đêm sẽ được tính như đã quy định ở điểm b.

— Nếu ban ngày đã đi công tác và được hưởng phụ cấp rồi, thì khi đi công tác ban đêm, dù là đi công tác trên sông, cảng hay ở bè cũng phải quá 12 giờ đêm mới được hưởng phụ cấp và mức phụ cấp quy định thống nhất là 3 hào một người kể cả công nhân lái máy hay cảnh sát.

3. Riêng đội tuần tra ở cảng Hải phòng làm nhiệm vụ kiểm soát khi có tàu của nước ngoài đậu ở cảng, vì tính chất điều kiện công tác có khác với đội tuần tra trên sông, nên mức độ phụ cấp quy định:

— trong một ngày một đêm nếu phải làm việc từ 6 giờ trở lên được phụ cấp 3 hào một người; nếu chỉ làm nhiệm vụ từ 4 giờ đến 6 giờ được phụ cấp 1 hào rưỡi; còn dưới 4 giờ thì không được phụ cấp.

4. Đối với số cán bộ công an thuộc Hải phòng và Hồngông làm nhiệm vụ kiểm soát và đưa dắt tàu từ p. Zéro vào cảng, hay từ cảng ra bè có khi đi 3, 4 giờ rồi trở về, có trường hợp phải ở lại dưới tàu một, hai ngày, phải ăn ở trên tàu thì nay quy định chế độ phụ cấp như sau:

— Nếu không ăn ở trên tàu, hoặc có phải ăn nhưng không phải trả tiền (theo chế độ tiếp tân của tàu) thì được hưởng theo như chế độ đi công tác ở bè đã quy định trong điểm b điều 2.

— Nếu phải ăn ở trên tàu và ăn theo tiêu chuẩn bình thường với công nhân của tàu đó, thì số tiền ăn trội hơn mức ăn bình thường ở nhà sẽ do cơ quan đài thọ. Ví dụ: mức ăn ở trên tàu 3đ một ngày, thì cán bộ đó phải góp 6 hào theo tiêu chuẩn hàng ngày, còn khoản 2đ40 chênh lệch thì cơ quan thanh toán. Trường hợp này sẽ không được hưởng khoản phụ cấp 6 hào một ngày quy định ở điểm b điều 2, vì đã nằm trong số tiền ăn chênh lệch mà cơ quan đài thọ.

5. Để bảo đảm đúng với tính chất phụ cấp bồi dưỡng sức khỏe, khoản phụ cấp nói trên phải được sử dụng ngay vào những bữa ăn trong những ngày đi công tác.

6. Để cho việc tính phụ cấp được chính xác, các địa phương có đội tuần tra kiểm soát trên sông, cảng phải nắm vững chiều dài của các sông cần phải đi tuần tra. Phải có sổ theo dõi các lần ca-nô đi, cụ thể đi từ giờ nào, về giờ nào, đến đâu, tốc độ của ca-nô khi đi tuần tra và trước khi đưa chứng từ thanh toán phải được Trưởng hoặc Phó phòng Ban trị an dân cảnh hoặc Trưởng Phó đồn nơi đó chứng thực.

7. Chế độ phụ cấp bồi dưỡng sức khỏe này không áp dụng đối với đội tuần tra ở Hồ tây Hà nội, vì tính chất điều kiện công tác ở Hồ tây không giống như các đội tuần tra kiểm soát trên sông, cảng.

III. CHẾ ĐỘ TRANG PHỤC

1. Về chế độ trang bị những thứ về nghiệp vụ, nói chung cả cảnh sát tuần tra trên sông, cảng và công nhân lái máy ca-nô đều được Chính phủ cấp phát như các loại cảnh sát khác, gồm có:

- 1 cảnh hiệu dùng không thời hạn.
- 2 đôi phù hiệu dùng trong một năm.
- 1 mũ lưỡi trai và 3 vải bọc dùng trong 3 năm.
- 1 áo mưa dùng trong 4 năm.
- 1 thắt lưng da dùng trong 5 năm.

* Ngoài ra, vì điều kiện công tác trên sông, cảng về mùa đông rất rét lạnh, nên còn được trang bị những thứ nghiệp vụ riêng sau đây:

- 1 áo trấn thủ.
- 1 mũ bông.
- 1 đôi găng tay loại dệt bằng bông của Trung quốc.

Riêng công nhân lái máy, vì tay chân và quần áo thường bị dây dầu mỡ nên được trang bị thêm một yếm công nhân bằng vải xanh, còn găng tay thì không phát 1 đôi găng tay loại dệt bằng bông của Trung quốc mà phát 2 đôi găng tay bằng vải dày.

2. Về trang phục của cảnh sát tuần tra ở sông, cảng cũng áp dụng hoàn toàn theo thông tư của Bộ số 1777-V10/P6 ngày 21-1-1959 đã quy định chế độ trang phục cho cảnh sát năm 1959, cụ thể:

Những thứ trang phục do Chính phủ cấp phát:

- 1 bộ quần áo (dùng 1 năm) 18 đồng
 - 1 áo bông (dùng 4 năm) $\frac{16d92}{4} = 4d,23$
 - 1 mũ cứng (dùng 2 năm) $\frac{4d}{2} = 2d$
 - 1 đôi giày da (dùng 2 năm) $\frac{18d}{2} = 9d$
- Cộng: 33d,23

Như vậy, một năm mỗi cảnh sát tuần tra trên sông, cảng được cấp là 33d23.

Ngoài ra mỗi cảnh sát phải góp mỗi tháng 3đ để may 2 bộ quần áo và sắm 1 đôi giày vải cho thống nhất mẫu mực, phù hợp với thời tiết.

3. Về trang phục của công nhân lái máy, đều thống nhất kiểu mẫu như cảnh sát, nhưng vì chế độ tiền lương khác với cảnh sát, nên chế độ cấp trang phục không áp dụng hoàn toàn giống như chế độ đối với cảnh sát mà quy định cụ thể như sau:

Những thứ trang phục do Chính phủ cấp phát:

- 1 mũ cứng dùng 2 năm $\frac{4d}{2} = 2d$
- 1 đôi giày da dùng 2 năm $\frac{18d}{2} = 9d$

Cộng: 11đ

Như vậy một năm, mỗi người công nhân lái máy ca-nô được cấp 11 đồng.

Ngoài ra mỗi người công nhân lái máy phải góp mỗi tháng 4đ để may trang phục cho phù hợp với thời tiết, theo mẫu mực thống nhất đã quy định như của cảnh sát, gồm có:

- 2 bộ quần áo 1 áo bông dùng 4 năm.
- 1 đôi giày vải.

Cách giữ và thanh toán tiền cũng theo như quy định chung đối với cảnh sát.

4. Những thứ trang bị về nghiệp vụ nói ở điều 1 phần III và những thứ trang phục do Chính phủ đài thọ nói ở điều 2, 3, phần III trong khi chưa hết niên hạn đều thuộc về tài sản của Nhà nước người dùng phải có trách nhiệm bảo quản cẩn thận, nếu mất hoặc hư hỏng không có lý do chính đáng thì phải bồi thường.

Những thứ trang bị về nghiệp vụ, khi hết thời hạn, nếu còn tốt vẫn tiếp tục dùng cho đến khi hỏng sẽ đổi lấy cái mới. Những thứ trang phục do Chính phủ đài thọ khi hết thời hạn quy định được coi như sở hữu cá nhân. Nếu chưa hết thời hạn mà thôi việc hay chuyển sang công tác khác không có chế độ trang phục giống như chế độ quy định trong thông tư này thì phải hoàn lại Nhà nước nếu muốn mang theo thì phải trả tiền, giá tiền sẽ căn cứ giá thành lúc cấp phát trừ tỷ lệ thời gian đã sử dụng và căn cứ vào giá trị hiện tại của hiện vật để xét định. Những thứ do cá nhân góp tiền để may sắm thì thuộc quyền sở hữu cá nhân.

5. Đối với một số địa phương, trong khi chưa có chế độ quy định mà đã cấp phát trang phục năm 1958 và cả chăn màn, áo bông cho công nhân lái máy ca-nô thì sẽ giải quyết bằng cách tính giá trị những thứ đó, để anh em trả tiền dần bằng cách trừ hàng tháng. Trường hợp anh em nào đã có chăn màn cũ đủ dùng, không muốn trả tiền dần thì trả lại cũng được.

IV. THỜI GIAN THI HÀNH

— Về lương sau khi sắp xếp xong thì được hưởng từ ngày 1 tháng 1 năm 1959 cùng với phụ cấp khu vực nếu có.

— Về chế độ phụ cấp bồi dưỡng trong khi đi công tác, được thi hành kể từ ngày ban hành thông tư này.

— Về chế độ trang phục quy định trong thông tư này được áp dụng từ 1 tháng 1 năm 1959.

Đối với các đội thủy đội của lực lượng Công an nhân dân vũ trang thì không áp dụng theo thông tư này, mà sẽ nghiên cứu chế độ quy định riêng.

Tất cả những văn bản về chế độ đối với cảnh sát và công nhân lái ca-nô thuộc đội tuần tra kiểm soát trên sông, cảng đã ban hành trước đây trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Hà nội, ngày 30 tháng 7 năm 1959

Bộ trưởng Bộ Công an

TRẦN QUỐC HOÀN

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 48-NV/DC ngày 6-10-1959

hướng dẫn một số điểm cần thiết về sinh hoạt và lề lối làm việc của Hội đồng nhân dân xã.

Kính gửi: Ủy ban Hành chính các Khu Tự trị Thái Mèo, Việt Bắc.

Ủy ban Hành chính Khu Hồng Quảng và khu vực Vĩnh Linh.

Ủy ban Hành chính các tỉnh, các thành phố.

I. MẤY NÉT CHÍNH VỀ TÌNH HÌNH SINH HOẠT VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HIỆN NAY

Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính các cấp hoàn thành, chính quyền xã đã được tăng cường về chất lượng cũng như về số lượng. Số đông đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc thành phần cơ bản, là những người tiên tiến đại diện cho lực lượng sản xuất mới ở nông thôn, có nhiệt tình cách mạng xã hội chủ nghĩa, có tinh thần tích cực và ý thức phục vụ nhân dân. Đó là những ưu điểm cần nắm. Nhưng hiện nay hoạt động của Hội đồng nhân dân còn gặp nhiều lúng túng thể hiện như sau:

1. Số đông đại biểu Hội đồng nhân dân chưa thấy hết vai trò, nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân, chưa nhận rõ Hội đồng nhân dân có quyền quyết định những vấn đề gì, quyết định đến đâu và mỗi người phải làm như thế nào?

Cán bộ xã nói chung và ngay cả các đồng chí chủ chốt trong chính quyền và đoàn thể cũng chưa quan niệm đầy đủ vai trò và tác dụng của Hội đồng nhân dân, chưa xác định được trách nhiệm của mình đối với Hội đồng nhân dân, coi đại biểu Hội đồng nhân dân như cán bộ khác dưới quyền điều khiển của Ủy ban Hành chính xã.

Nhân dân thì chưa thấy rõ Hội đồng nhân dân là cơ quan đại diện trực tiếp cho mình để chăm lo cải thiện đời sống cho mình, quản lý công việc Nhà nước nên coi như bầu xong Hội đồng nhân dân là hết trách nhiệm, không theo dõi, giúp đỡ ý kiến, phản ánh tình hình, nguyện vọng cho các đại biểu.

2. Hội nghị thường kỳ của Hội đồng nhân dân chưa có nề nếp, hội nghị bất thường quá nhiều. Nhiều nơi chưa phân biệt được tính chất, nội dung sinh hoạt của hội nghị thường kỳ và bất thường, còn lẫn lộn hội nghị Hội đồng nhân dân với hội nghị Quân Dân Chính.

Các cuộc họp Hội đồng nhân dân không được chuẩn bị chu đáo, có trường hợp chưa bàn bạc kỹ trong Ủy ban Hành chính trước khi đưa ra cuộc họp Hội đồng nhân dân. Việc triệu tập thường dễ sát đến hội nghị mới báo nên đại biểu không kịp thu xếp công việc nhà và cũng không có thi giờ để chuẩn bị ý kiến.

3. Quan hệ giữa các đại biểu với nhau, giữa Hội đồng nhân dân và Ủy ban Hành chính, giữa đại biểu và cử tri nói chung rất lúng túng, không hiểu quan hệ để làm gì và cách thực hiện các quan hệ đó như thế nào?

Do những nhược điểm và khuyết điểm trên nên hoạt động của Hội đồng nhân dân hiện nay còn yếu, vai trò Hội đồng nhân dân chưa được đề cao, Hội đồng nhân dân chưa thể hiện rõ rệt là một cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương.

II. XÂY DỰNG NỀ NẾP SINH HOẠT VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC CHO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

1. Cần quán triệt vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã:

Hội đồng nhân dân xã là cơ quan quyền lực Nhà nước ở xã, bao gồm những phần tử ưu tú trong nhân dân do nhân dân trực tiếp bầu ra để thay mặt cho nhân dân quản lý công việc Nhà nước và mưu lợi ích cho nhân dân.

Hội đồng nhân dân có quyền quyết định mọi việc quan trọng trong xã về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự trong phạm vi luật lệ quy định và chỉ thị, nghị quyết của cấp trên.

Hội đồng nhân dân có quyền quyết định về các kế hoạch kiến thiết kinh tế, văn hóa, xã hội, sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và các sự nghiệp hợp tác tương trợ và các công tác khác ở địa phương; Hội đồng nhân dân có quyền thẩm tra báo cáo công tác của Ủy ban Hành chính cấp mình, kiểm soát chi thu tài chính địa phương và thẩm tra phê chuẩn dự toán quyết toán chi thu; Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ bảo đảm quyền công dân, quyền bình đẳng của các dân tộc, chăm lo đời sống nhân dân, bảo vệ tài sản công cộng, giữ gìn